

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

BẢNG GIAO CHỈ TIÊU NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN; SỐ LƯỢNG HĐLĐ THEO ND 68/2000/ND-CP (ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI NGHỊ ĐỊNH 161/2018/ND-CP) TRONG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2022 của UBND tỉnh Gia Lai)

S T T	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu giao năm 2021			Năm 2022				Tăng giảm				Ghi chú
		Người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp	HĐLĐ 68		Giao số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Xác định số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	HĐLĐ 68		Người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	HĐLĐ 68		
			Hành chính	Sự nghiệp			Hành chính	Sự nghiệp			Hành chính	Sự nghiệp	
	CỘNG = I + II+III	26407	194	1197	24859	1714	209	1182	-1548	1714	15	-15	
I	CẤP TỈNH	8118	119	447	6521	1673	123	433	-1597	1673	4	-14	
A	Khối Sở, ngành	7772	119	406	6171	1673	123	392	-1601	1673	4	-14	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	9	3		9		3						
2	Sở Tư pháp	20	2		20		2						
3	Sở Tài chính		3				3						
4	Sở Khoa học và Công nghệ		4				4						
5	Sở Giao thông vận tải		5				5						

S T T	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu giao năm 2021			Năm 2022				Tăng giảm				Ghi chú
		Người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp	HĐLĐ 68		Giao số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Xác định số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	HĐLĐ 68		Người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	HĐLĐ 68		
			Hành chính	Sự nghiệp			Hành chính	Sự nghiệp			Hành chính	Sự nghiệp	
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	92	3		7		3		-85				Thu hồi số lượng người làm việc của Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm quan trắc môi trường (đơn vị sự nghiệp tự chủ)
7	Sở Nội vụ	11	4		16		4	1	5			1	Bổ sung 05 người làm việc; 01 HĐ 68 (bảo vệ tại cơ sở mới) cho Trung tâm lưu trữ lịch sử để tổ chức lại bộ máy Trung tâm sau khi tách lập từ Chi cục Văn thư lưu trữ
8	Sở Công Thương	15	2	1	15		3				1	-1	Cắt chuyển 01 HĐLĐ 68 từ Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại cho Văn phòng Sở làm nhiệm vụ lái xe
9	Sở Nông nghiệp & PTNT	441	35	28	441		38	28			3		Bổ sung 03 chỉ tiêu HĐLĐ 68 cho Chi cục kiểm lâm để làm nhiệm vụ lái xe
10	Sở Y tế	4498	5	211	2950	1673	5	198	-1548	1673		-13	Thu hồi số HĐLĐ 68 của các đơn vị sự nghiệp tự chủ (BV đa khoa tỉnh, BV Nhi, BV 331, Trung tâm giám định Y khoa)
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	2451	3	103	2451		3	103					
12	Sở Xây dựng		8				8						

S T T	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu giao năm 2021			Năm 2022				Tăng giảm				Ghi chú
		Người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp	HĐLĐ 68		Giao số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Xác định số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	HĐLĐ 68		Người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	HĐLĐ 68		
			Hành chính	Sự nghiệp			Hành chính	Sự nghiệp			Hành chính	Sự nghiệp	
13	Sở Lao động, TB & XH	51	5	32	81		5	31	30			-1	Bổ sung 30 người làm việc và cắt giảm 20 chỉ tiêu HĐLĐ 68 của Trung tâm Bảo trợ xã hội (tăng 14 người làm việc, giảm 10 HĐ 68), Cơ sở tư vấn và cai nghiện ma túy, (tăng 13 người làm việc, giảm 10 HĐ 68); Trung tâm dịch vụ việc làm (tăng 03 người làm việc) để chuyển đổi số hợp đồng lao động thành số người làm việc cho đúng quy định tiêu chuẩn, vị trí việc làm theo quy định của Trung ương. (Tạm thời chưa cắt 19 chỉ tiêu HĐLĐ 68 đến khi tổ chức tuyển dụng viên chức năm 2022 của đơn vị)
14	Sở Văn hoá, TT & DL	164	3	30	164		3	30					
15	Sở Thông tin và TT	10	2	1	10		2	1					
16	Thanh tra tỉnh		2				2						
17	Văn phòng HĐND tỉnh		7				7						
18	Văn phòng UBND tỉnh	10	14		7		14		-3				Thu hồi số lượng người làm việc của Nhà khách VP UBND tỉnh (đơn vị sự nghiệp tự chủ)

S T T	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu giao năm 2021			Năm 2022				Tăng giảm				Ghi chú
		Người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp	HĐLĐ 68		Giao số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Xác định số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	HĐLĐ 68		Người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	HĐLĐ 68		
			Hành chính	Sự nghiệp			Hành chính	Sự nghiệp			Hành chính	Sự nghiệp	
19	Ban Dân tộc		2				2						
20	BQL các Khu Kinh tế		5				5						
21	Sở Ngoại vụ		2				2						
B	Khối ĐVSN thuộc tỉnh	346		41	350			41	4				
21	Cao đẳng Gia Lai	189		13	189			13					
22	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	99		4	99			4					
24	BQL VQG Kon Ka Kinh	58		24	62			24	4				Bổ sung 04 người làm việc để tăng lực lượng bảo vệ rừng
II	CẤP HUYỆN	18269	75	749	18308		86	749	39		11		
1	TP Pleiku	2276	5	69	2280		5	69	4				Bổ sung người làm việc để tăng nhân lực cho Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Trung tâm DVNN để đủ nhân lực theo quy định và bổ sung HĐLĐ 68 để tăng cường nhân lực phục vụ tại các Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện.
2	Thị xã An Khê	811	5	35	813		5	35	2				
3	Thị xã Ayun Pa	538	4	24	540		5	24	2		1		
4	Huyện Đức Cơ	997	6	46	999		6	46	2				
5	Huyện Ia Grai	1237	4	50	1244		5	50	7		1		
6	Huyện Chư Prông	1538	5	63	1541		5	63	3				
7	Huyện Ia Pa	746	4	33	747		5	33	1		1		

S T T	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu giao năm 2021			Năm 2022				Tăng giảm				Ghi chú
		Người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp	HĐLĐ 68		Giao số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Xác định số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	HĐLĐ 68		Người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	HĐLĐ 68		
			Hành chính	Sự nghiệp			Hành chính	Sự nghiệp			Hành chính	Sự nghiệp	
8	Huyện Chư Păh	1004	4	48	1004		5	48			1		
9	Huyện KBang	1076	4	54	1079		5	54	3		1		
10	Huyện Krông Pa	1189	4	53	1189		5	53			1		
11	Huyện Chư Sê	1414	5	47	1415		5	47	1				
12	Huyện Kông Chro	832	4	35	832		5	35			1		
13	Huyện Mang Yang	961	4	41	966		5	41	5		1		
14	Huyện Đak Đoa	1241	5	54	1242		5	54	1				
15	Huyện Đak Pơ	586	4	24	588		5	24	2		1		
16	Huyện Phú Thiện	957	4	40	959		5	40	2		1		
17	Huyện Chư Puh	866	4	33	870		5	33	4		1		
III	Dự phòng	20		1	30	41			10	41		-1	30 người làm việc hưởng lương từ NSNN bố trí sau sắp xếp tổ chức bộ máy (bổ sung cho các đơn vị sự nghiệp được bổ sung thêm nhiệm vụ); 41 người người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp bố trí để tăng mức độ tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên